

TEST SPECIFICATION

1. Ma trận đề kiểm tra

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Nghe	10	2	10	3	5	2			25	7
2	Ngôn ngữ	10	3	10	3	5	2			25	8
3	Đọc	15	4	5	3	5	3			25	10
4	Viết	5	2	5	4	5		10	14	25	20
Tổng		40	11	30	13	20	7	10	14	100	45
Tỉ lệ %		40		30		20		10		100	45
Tỉ lệ chung (%)		70				30				100	

2. Bản đặc tả kỹ thuật ra đề kiểm tra Kỹ năng Nghe

STT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH		
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Listening	1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1-2 phút thuộc các chủ đề liên quan và trả lời câu hỏi True/false	Nhận biết: - Nhận biết: 1 chi tiết trong bài như - số - thời gian địa chỉ	2									2	
		Thông hiểu: Thông hiểu: - Hiểu 2-3 chi tiết đúng - các ý chính của người nói			2							2		

	năng	năng	cần kiểm tra, đánh giá	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Reading	1. Cloze text Đọc một đoạn văn khoảng 100 từ và chọn một đáp án trong số 4 lựa chọn để điền vào chỗ trống	Nhận biết: - Dạng từ - Động từ - Từ chỉ định - Mạo từ - Giới từ	3								3	
			Thông hiểu: - Nghĩa của từ trong ngữ cảnh			1						1	
			Vận dụng: - Phân tích mối liên kết giữa các câu trong văn bản chọn liên từ phù hợp					1				1	
		2. Reading comprehension Đọc một bài khoảng 240 từ và trả lời bằng cách chọn đáp án đúng trong số 4 lựa chọn.	Nhận biết: - Từ đồng nghĩa	1 2								3	

4. Bản đặc tả kỹ thuật ra đề kiểm tra Kỹ năng Viết

STT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH		
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Writing	<p>1. Error identification Phát hiện lỗi sai</p>	<p>Nhận biết: - Thì quá khứ - Dạng động từ theo sau động từ khác chủ vị - Trật tự từ</p>	2									2	
		<p>2. Sentence transformation Viết câu</p>	<p>Thông hiểu: Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi, sử dụng - Các dạng động từ theo sau động từ Khác - Các thì quá khứ của động từ</p>											
			<p>Vận dụng: - Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi - Động từ nguyên thể bị động Danh động từ bị động Danh động từ hoàn thành Động từ nguyên thể hoàn thành</p>			2							2	

	<p>3. Theme writing Viết theo chủ đề</p>	<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết một bài khoảng 130 từ sử dụng từ/ ý gợi ý về một trong những chủ đề sau: <p>Một lá thư mời một người bạn đến một bữa tiệc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một lá thư thân mật miêu tả một trải nghiệm của bản thân - Một đoạn văn miêu tả một người bạn. 								
--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

ASSESSING WRITING PERFORMANCES: Rating scales

Tổng: 1 điểm	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Nội dung (0,4đ)	(0,1đ)	(0,2đ)	(0,3đ)	(0,4đ)
	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ở mức tối thiểu yêu cầu của bài. Bài viết có câu chủ đề và các thành phần cơ bản. - Viết được một số ý chính nhưng có chỗ diễn đạt không rõ, bị lặp ý, không liên quan, gây khó hiểu cho người đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được cơ bản yêu cầu của bài. Bài viết có câu chủ đề. Các thành phần cơ bản đều được phát triển, đôi khi có chỗ phát triển chưa cân xứng. - Viết được cơ bản đủ ý chính. Có một vài ý không liên quan, gây khó hiểu cho người đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời khá đầy đủ yêu cầu của bài. Bài viết có câu chủ đề. Các thành phần cơ bản được phát triển tương đối kỹ, logic và cân xứng. - Viết đủ ý chính, các ý có liên quan đến chủ đề. - Dẫn chứng phù hợp, khá thuyết phục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đầy đủ yêu cầu của bài. Bài viết có câu chủ đề. Các thành phần cơ bản được phát triển kỹ logic, cân xứng. - Đủ ý, các ý thống nhất, có liên quan chặt chẽ.

		- Có đôi chỗ dẫn chứng còn chưa phù hợp.		- Dẫn chứng hay và thuyết phục.
thông tin và tính liên kết (0,2đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin bị lặp và ảnh hưởng đến diễn đạt. - Sắp xếp ý thiếu logic, thiếu tính liên kết. - Ít sử dụng hoặc sử dụng lặp các phương tiện kết nối, hoặc sử dụng các phương tiện kết nối chưa chính xác. 	<p>(0,1đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin còn bị lặp. - Sắp xếp các ý có logic, có tính liên kết, mặc dù tính mạch lạc giữa các câu còn thấp hoặc máy móc. Sử dụng các phương tiện kết nối tuy còn đơn giản nhưng đúng nghĩa. 	<p>(0,15đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin ít khi bị lặp. - Sắp xếp ý logic, mạch lạc, dễ đọc, dễ hiểu. Sử dụng khá đa dạng và chính xác các phương tiện kết nối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin không bị lặp. - Sắp xếp ý logic, mạch lạc cao. Bài viết có tổng thể hài hòa, trôi chảy, uyển chuyển, tự nhiên. - Sử dụng đa dạng và chính xác các phương tiện kết nối.
Từ vựng (0,2đ)	(0,05đ)	(0,1đ)	(0,15đ)	(0,2đ)
(0,2đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng liên quan đến chủ đề hạn chế, lặp, hoặc không phù hợp. - Dạng từ, chính tả còn viết sai, gây hiểu lầm hoặc khó chịu cho người đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng tạm đủ để diễn đạt thông tin liên quan đến chủ đề. Một số chỗ dùng từ chưa phù hợp hoặc viết sai dạng từ. - Còn mắc một số lỗi sai về dạng từ và chính tả gây khó khăn cho người đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng đa dạng có liên quan đến chủ đề. Đôi chỗ còn mắc lỗi dùng từ chưa phù hợp hoặc sai dạng từ. - Có sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, thành ngữ... - Ít lỗi sai về chính tả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng phong phú liên quan đến chủ đề, diễn đạt tự nhiên. Dùng từ phù hợp, chính xác. - Sử dụng đa dạng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, thành ngữ... - Rất ít lỗi về dạng từ, và chính tả.
Ngữ pháp (0,2đ)	(0,05đ)	(0,1đ)	(0,15đ)	(0,2đ)
(0,2đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cấu trúc câu đơn giản. - Mắc nhiều lỗi sai về ngữ pháp và chấm câu, gây khó 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các cấu trúc câu khác nhau. - Có khá nhiều lỗi sai về ngữ pháp và chấm câu, đôi chỗ gây khó hiểu cho người đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đa dạng cấu trúc câu. - Thi thoảng còn mắc lỗi về ngữ pháp và chấm câu, nhưng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đa dạng, linh hoạt cấu trúc câu. - Còn một vài lỗi nhỏ về ngữ pháp và chấm

hiểu cho người đọc.	người đọc vẫn có thể hiểu.	câu, người đọc vẫn thấy dễ hiểu.
---------------------	----------------------------	----------------------------------

1. Thang điểm và cách đánh giá

Thang điểm

Phần 1: 10 điểm (2 điểm/1 câu)

Phần 2: 15 điểm Tổng điểm: 25

điểm

- *Tiêu chí đánh giá:* Thí sinh trả lời 5 câu hỏi trôi chảy, đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng chính xác, đúng nội dung hỏi thì được điểm trọn vẹn (5 điểm). Cách tính điểm cho mỗi câu trả lời dựa theo biểu chấm sau:

Điểm	Miêu tả tiêu chí đánh giá
1,0	Trả lời (tương đối) lưu loát, đúng ý, hầu như chính xác về ngữ pháp, từ vựng và phát âm.
0,75	Trả lời có ngập ngừng, đúng ý, khá chính xác về về ngữ pháp, từ vựng và phát âm.
0,5	Ngập ngừng lâu để tìm ý và tìm từ, có mắc lỗi nhỏ về ngữ pháp, từ vựng và phát âm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung câu trả lời.
0,25	Dừng lại rất lâu mới có thể tìm được ý, chỉ có thể trả lời bằng những từ rời rạc, mắc các lỗi nghiêm trọng về ngữ pháp, từ vựng và phát âm làm người nghe phải cố gắng mới hiểu được nội dung câu trả lời.
0	Thí sinh hoàn toàn không thể trả lời câu hỏi.

Phần 2

Bảng thang điểm và tiêu chí đánh giá

Điểm	Từ vựng	Ngữ pháp	Phát âm và độ lưu loát	Mức độ hoàn thành
10	Sử dụng từ vựng đa dạng, có thể	Sử dụng ngữ pháp tốt. Duy trì việc sử	Rất lưu loát. Có thể diễn đạt một	Hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu

<p>diễn đạt rõ ràng và không bị hạn chế bởi từ vựng để diễn đạt những gì muốn nói.</p>	<p>dụng ngữ pháp chính xác. Các lỗi ngữ pháp hiếm khi xảy ra.</p>	<p>cách trôi chảy và ngay lập tức. Phát âm và ngữ điệu thích hợp, chỉ sử dụng tạm ngừng trong diễn đạt tự nhiên</p>	<p>qua. Hoàn tất tất cả các yêu cầu. Diễn đạt ý kiến và quan điểm một cách chính xác.</p>
--	---	---	---

9	Giữa mức điểm 10 và 8			
8	<p>Sử dụng từ vựng tốt. Có đủ từ vựng để thảo luận các chủ đề hằng ngày và trừu tượng. Diễn giải khi cần thiết. Thỉnh thoảng dùng sai từ.</p>	<p>Sử dụng từ vựng tốt. Không mắc lỗi ngữ pháp gây hiểu nhầm. Các câu đơn giản không có lỗi ngữ pháp. Câu phức tạp được dùng nhưng thường xuyên có lỗi ngữ pháp.</p>	<p>Lưu loát. Có thể nói các cụm từ với tốc độ vừa phải mặc dù thí sinh phải ngừng khi tìm các cấu trúc và cụm từ để diễn đạt. Có vài chỗ tạm ngưng dài thấy được. Phát âm và ngữ điệu hầu hết chính xác.</p>	<p>Hoàn tất nhiệm vụ tốt. Hoàn tất tất cả các yêu cầu một cách chính xác và hiệu quả nhưng không mở rộng.</p>
7	Giữa mức điểm 8 và 6			
6	<p>Từ vựng cơ bản. Sử dụng từ vựng cho các chủ đề hằng ngày tốt. Có khả năng diễn giải. Cố gắng sử dụng từ và cụm từ phức tạp nhưng sử dụng sai. Có một số vấn đề về phạm vi từ vựng.</p>	<p>Nhìn chung sử dụng ngữ pháp đúng. Giao tiếp tương đối chính xác trong các bối cảnh quen thuộc. Có cố gắng sử dụng cấu trúc phức tạp nhưng thường có lỗi ngữ pháp.</p>	<p>Hầu hết lưu loát. Có khả năng giao tiếp tự tin trong các tình huống quen thuộc và không quen thuộc. Có thể bày tỏ ý kiến nhưng không duy trì hội thoại với một tốc độ thích hợp.</p>	<p>Hoàn tất các nhiệm vụ không cân đối. Hoàn tất một số nhiệm vụ tốt nhưng gặp phải khó khăn khi hoàn tất một số nhiệm vụ khác. Thỉnh thoảng giao tiếp không logic.</p>
5	Giữa mức điểm 6 và 4			

4	Sử dụng từ vựng hạn chế. Có thể sử dụng từ vựng để thảo luận những vấn đề thường ngày. Các từ thường được sử dụng sai. Hay mắc	Sử dụng ngữ pháp hạn chế. Các cấu trúc câu đơn giản được sử dụng hầu hết chính xác. Không sử dụng các cấu trúc phức tạp.	Ngập ngừng. Giao tiếp có thể hiểu được nhưng việc ngập ngừng để sửa lỗi ngữ pháp và từ vựng là rõ ràng, đặc biệt là trong trường hợp nói tự do với các cụm từ	Hoàn tất nhiệm vụ rất hạn chế. Thường xuyên thiếu logic.
---	--	--	---	--

	phải lỗi về từ vựng.		dài.	
3	Giữa mức điểm 4 và 2			
2	Từ vựng rất hạn chế. Sử dụng các cụm từ thuộc lòng rất đơn giản. Sử dụng tiếng mẹ đẻ khi không có từ để diễn đạt. Giao tiếp thỉnh thoảng bị ngưng do thiếu từ vựng.	Rất hạn chế về việc kiểm soát ngữ pháp. Chỉ sử dụng đúng các cấu trúc đơn giản. Sử dụng các cụm từ mang tính công thức.	Vấn tắt. Có thể diễn đạt hiểu được qua các lời nói rất ngắn có ngập ngừng, lặp lại thường xảy ra và có thể thấy rõ. Thường xuyên tự sửa, ngập ngừng và lỗi phát âm có thể gây ra hiểu nhầm.	Cố gắng để hoàn tất các nhiệm vụ nhưng không logic và không có tổ chức. Đề cập đến các phần của nhiệm vụ nhưng không phát triển hay bỏ qua.
1	Giữa mức điểm 2 và 0			
0	Sử dụng từ vựng không thích hợp suốt phần thi. Trả lời quá ngắn và không thể đánh giá được.	Không sử dụng được ngữ pháp. Trả lời quá ngắn và không thể đánh giá được.	Không nói được. Không thể hiểu được. Trả lời quá ngắn và không thể đánh giá được.	Không thực hiện các nhiệm vụ. Hoàn toàn hiểu sai các nhiệm vụ. Trả lời quá ngắn và không thể đánh giá được.

Cách tính tổng điểm kỹ năng Nói = Điểm phần 1 + Điểm phần 2.